

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 859/2019/DS-ST
Ngày: 20-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên;
2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 348/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 373/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P;

Địa chỉ: 41&45 LD, phường BN, quận X, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Văn C, sinh năm 1981. Địa chỉ: 41&45 LD, phường BN, quận X, Thành phố H (Theo giấy ủy quyền số 239/2019/UQ-OCB ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần P) (Có mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1981 (Vắng mặt – Có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 3, xã BL, huyện BC, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Trẻ Nguyễn Thành L, sinh năm 2011.

Địa chỉ: ấp 3, xã BL, huyện BC, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Nguyễn Thành L có ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp 3, xã BL, huyện BC, Thành phố H. (Vắng mặt – Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn có ông Trương Văn C trình bày:

Vào năm 2016, ông Nguyễn Thành Đ và vợ ông Đ là bà Nguyễn Thị H đã thỏa thuận với Ngân hàng Thương mại cổ phần P ký kết hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ để vay vốn chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng số 0155/2016/HĐTD-CN ngày 05/10/2016 và Khế ước nhận nợ số 0155.1/2016/OBC/KUNN-CN ngày 12/10/2016.

Số tiền vay: 150.000.000 đồng;

Mục đích vay: Vay tiêu dùng;

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên;

Lãi suất cho vay trong hạn: 11,7%/năm trong 06 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất cho vay bằng lãi suất gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng (trả lãi cuối kỳ) do OBC công bố tại thời điểm tính lãi + biên độ tối thiểu 4,7%;

Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên bao gồm: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 539, tờ bản đồ số 26 tại xã BL, huyện BC theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI641657 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01445 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp ngày 16/10/2012 cho ông Đ và bà Nguyễn Thị H. Tài sản đảm bảo đã được công chứng thể chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0155/2016/BĐ ngày 05/10/2016 tại Văn phòng Công chứng SG đã được đăng ký thế chấp theo quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Đ và bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tính đến ngày 20/11/2019, ông Đ và bà H còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 132.796.572 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi hai đồng), trong đó tiền gốc là 105.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.323.301 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.473.272 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu phía bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng nhưng bị đơn không thực hiện.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần P đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả số nợ của hợp đồng tín dụng số 0155/2016/HĐTD-CN ngày 05/10/2016 tạm tính đến ngày 20/11/2019 với số tiền là 132.796.572 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi hai đồng), trong đó tiền gốc là 105.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.323.301 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.473.272 đồng.

- Nếu ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0155/2016/BĐ ngày 05/10/2016 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P theo quy định của pháp luật.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi, xử lý các tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án theo quy định của pháp luật mà không đủ thanh toán hết nghĩa vụ nợ của ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị H tại Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiếp tục kê biên, phát mãi xử lý các tài sản khác của ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị H để thanh toán hết toàn bộ nợ vay của ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng. Ông xác nhận là ông và vợ ông (bà Nguyễn Thị H) còn nợ ngân hàng tạm tính đến ngày 25/6/2019 số tiền gốc là 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng) và tiền nợ lãi là 18.489.717 đồng (mười tám triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm mười bảy đồng). Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên bao gồm: quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 539, tờ bản đồ số 26 tại xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI641657 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01445 do Ủy ban nhân dân huyện BCCấp ngày 16/10/2012 cho ông và bà Nguyễn Thị H. Trên đất có căn nhà tại địa chỉ ấp 3, xã BL, huyện BC, Thành phố H. Căn nhà hiện do ông, vợ ông Nguyễn Thị Hòa và con ông là trẻ Nguyễn Thành Linh đang trực tiếp sử dụng. Ngoài ra, không có cá nhân nào sử dụng phần đất và nhà nêu trên. Do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn nên ông đề nghị trả dần số tiền nợ nêu trên mỗi tháng là 8.000.000 đồng. Mong phía ngân hàng và Tòa án xem xét. Ngoài ra, ông không có ý kiến nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt và không thể hiện ý kiến.

Đại diện cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của trẻ Nguyễn Thành L có ông Nguyễn Thành Đ trình bày: Ông có cùng ý kiến và lời trình bày như ông đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và lời trình bày nêu trên; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự

đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Ngân hàng Thương mại cổ phần P khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị H. Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Căn cứ lời khai của người đại diện hợp pháp nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án là phù hợp với hợp đồng tín dụng số 0155/2016/HĐTD-CN ngày 05/10/2016; khế ước nhận nợ số 0155.1/2016-OCB/KUUN-CN ngày 12/10/2016; có cơ sở xác định ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị H đã ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Tính đến ngày 20/11/2019, ông Đ và bà H còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền 132.796.572 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi hai đồng), trong đó tiền gốc là 105.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.323.301 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.473.272 đồng.

[3.2]. Việc ông Đ và bà H ngưng trả tiền vốn và lãi hàng tháng cho Ngân hàng là đã vi phạm điều khoản thanh toán của hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ và bà H trả số tiền gốc và lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3.3]. Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI641657, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01445 do UBND huyện BC cấp ngày 16/10/2012 đăng ký thay đổi ngày 23/9/2013, lời khai của phía bị đơn và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/9/2019, có cơ sở xác định phần đất diện tích 142,4m² thuộc thửa 539, tờ bản đồ số 26, bộ địa chính xã BL, huyện BC là thuộc quyền sử dụng của ông Đ và bà H, trên đất có căn nhà tạm hiện do ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị H và trẻ Nguyễn Thành L đang trực tiếp sử dụng.

[3.4]. Căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0155/2016/BĐ ký ngày 05/10/2016 giữa ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng tại Văn phòng Công chứng Sài Gòn. Nội dung ông Đ, bà H đã thế chấp phần đất diện tích 142,4m² thuộc thửa 539, tờ bản đồ số 26, bộ địa chính xã BL, huyện BC để bảo đảm cho các nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 0155/2016/HĐTD-CN ngày 05/10/2016. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký thế chấp ngày 11/10/2016 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Chánh theo đúng quy định tại Điều 342, 343, 344, 355, 715, 716, 717 và 719 Bộ luật dân sự năm 2005 nên đã phát sinh hiệu lực. Trong trường hợp ông Đ và bà H không thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán khoản nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

[3.5]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P toàn bộ số tiền là 132.796.572 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi hai đồng), trong đó tiền gốc là 105.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.323.301 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.473.272 đồng, ngay sau khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét lời đề nghị của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tài sản thế chấp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Do Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã tạm nộp trước nên ông Đ và bà H có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản thế chấp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

[6]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 342, 343, 344, 355, 715, 716, 717 và 719 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

Buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P tổng số tiền tính đến ngày 20/11/2019 là 132.796.572 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi hai đồng), trong đó tiền gốc là 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 18.323.301 đồng (mười tám triệu ba trăm hai mươi ba ngàn ba trăm lẻ một đồng), tiền lãi quá hạn là 9.473.272 đồng (chín triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm bảy mươi hai đồng). Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 21/11/2019 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0155/2016/HĐTD-CN ngày 05/10/2016 và khế ước nhận nợ số 0155.1/2016-OCB/KUNN-CN ngày 12/10/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngay sau khi ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P thực hiện thủ tục xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền và hoàn trả lại cho ông Hòa, bà Đức bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI641657 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01445 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 16/10/2012 cấp cho ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị H.

Đến hạn trả nợ, ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ tín dụng nêu trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 539, tờ bản đồ số 26, tại xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI641657 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH01445 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 16/10/2012 cho ông Nguyễn

Thành Đ và bà Nguyễn Thị H.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tài sản thế chấp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Do Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã tạm nộp trước nên ông Đ và bà H có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản thế chấp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.639.829 đồng (sáu triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn tám trăm hai mươi chín đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.982.992 đồng (hai triệu chín trăm tám mươi hai ngàn chín trăm chín mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002017 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Nguyễn Tấn Việt